

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2026/DS-PT
Ngày: 06 - 5 - 2026
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Ly;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuần và bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byã – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2026/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2026 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2026/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 263/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Thị Bạch K, sinh năm: 1966; Số căn cước: 066166000316; Địa chỉ: Thôn V, xã E, tỉnh Đắk Lắk (*Địa chỉ cũ: Tổ dân phố C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk*). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm: 1969; Số căn cước: 066169000856; Địa chỉ: Thôn F, xã E, tỉnh Đắk Lắk (*Địa chỉ cũ: Thôn F, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk*); Vắng mặt.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn: Ông Đoàn Quang H, sinh năm: 1973, Số căn cước: 034073024965; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2026); Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị H1, sinh năm 1992; Số căn cước: 066192011052; Địa chỉ: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở: số B C, xã K tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K trình bày:

Ngày 14/01/2024 bị đơn Nguyễn Thị B đến nhà nguyên đơn đặt vấn đề vay của nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) lãi suất là 3%/tháng thời hạn vay 05 ngày, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng cho cháu bị đơn là Võ Thị H1, nếu trả chậm phải chịu lãi chậm trả và chi phí tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn nói với bà B là chỉ cho bà B vay tiền và bà B chịu trách nhiệm trả cho nguyên đơn; bà B đã nhất trí đứng ra vay tiền và chịu trách nhiệm. Nguyên đơn yêu cầu phải bảo đảm số tiền vay sử dụng đúng mục đích và trả nợ đúng hạn, bà B cam kết và đề nghị nguyên đơn chuyển khoản tiền vào tài khoản bà Võ Thị H1 để đáo hạn ngân hàng. Đến ngày 15/01/2024 nguyên đơn chuyển tiền cho vay theo yêu cầu của bà B. Hết thời hạn 05 ngày bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn như đã cam kết trong giấy vay tiền. Nguyên đơn đã điện thoại đòi nợ nhưng bị đơn không trả (có tin nhắn kèm theo). Vì vậy nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả số nợ gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), tiền lãi quá hạn theo quy định tính từ ngày 19/01/2024 đến 20/02/2025 là $300.000.000 \text{ đồng} \times 30\% / \text{năm} \times 13 \text{ tháng} = 97.500.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Đối với yêu cầu tính lãi suất trong hạn của khoản nợ 300.000.000 đồng tính từ ngày 15/01/2024 đến 19/01/2024 là 20%/ năm.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu lãi suất quá hạn của khoản vay 300.000.000 đồng bằng 150% lãi trong hạn kể từ ngày 20/01/2024 cho đến khi bà B trả hết nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Giữa bị đơn với nguyên đơn quen biết nhau qua mối quan hệ của nhân viên ngân hàng giới thiệu là nguyên đơn thường xuyên cho vay nóng đáo hạn ngân hàng. Có một lần nhân viên ngân hàng giới thiệu nguyên đơn tìm gặp bị đơn tại ngân hàng để cho vay đáo hạn ngân hàng, vì chưa đến hạn trả nợ nên bị đơn không vay.

Còn giấy vay tiền ngày 14 tháng 01 năm 2024, chữ viết trong giấy vay không phải chữ của bà B, mà chính trong giấy này có đề số tài khoản của bà B và cũng nhấn mạnh là có giá trị khi tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị B

0321000617378 ngân hàng V, nhưng bà K không chuyển tiền như bà đã viết trong giấy cho bà B mà bà Kim T làm việc trực tiếp với bà Võ Thị H1 và bà K đã đồng ý nhất trí cho bà Võ Thị H1 vay, vay bao nhiêu thì bà B không biết, tiền lãi bà Võ Thị H1 tự thỏa thuận với bà K, bà K biết rất rõ là số tiền trên đã chuyển cho bà H1 vay và đã nhận tiền lãi của bà H1. Để đảm bảo số tiền vay bà H1 cũng thế chấp cho bà K một thẻ luật sư mang tên Võ Thị H1, bà K đã tự nguyện đồng ý nhận thẻ luật sư của bà H1 để đảm bảo cho số nợ của bà H1 đã vay của bà K. Chính vì vậy bà B yêu cầu Tòa án triệu tập bà Võ Thị H1 để làm rõ nội dung vụ án và yêu cầu bà Kim sao K1 tài khoản ngân hàng đã chuyển tiền cho bà H1 vay là bao nhiêu, bà K đã lấy lãi của bà H1 bao nhiêu. Bà K phải có trách nhiệm cung cấp đầy đủ cho tòa án trước khi khởi kiện bà B. Đề nghị tòa án xem xét hướng dẫn cho bà Đào Thị Bạch K là chuyển tiền cho bà H1 vay thì khởi kiện bà H1, chứ bà K không chuyển tiền cho bà B vay thì giấy vay trên không có giá trị, bà B không chấp nhận vì không nợ bà K. Nếu bà K có chứng cứ có chuyển tiền cho bà H1 vay thì buộc bà H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà K đúng theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Về khoản nợ: Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Đào Thị Bạch K số tiền là 452.966.986 đồng (B1 trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó:

Nợ gốc là 300.000.000 đồng;

Nợ lãi 152.966.986 đồng.

Bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục trả nợ lãi quá hạn đối với số nợ gốc theo mức lãi bằng 150% lãi suất trong hạn cho đến khi trả xong số nợ gốc nói trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo. Ngày 31/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo. Cả hai đều kháng cáo với nội dung đề nghị hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đắk Lắk vì bà K đã chuyển tiền vào số tài khoản của bà Võ Thị H1 nên cho rằng tòa cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị B phải trả nợ cho nguyên đơn bà K là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và người đại diện ủy quyền bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị H1 vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H1 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm; Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn quy định là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 kháng cáo đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/5/2026 (không có lý do trở ngại khách quan) thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 289, Điều 295, Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1.

[2] Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B cho rằng tiền vay chuyển vào tài khoản của bà H1 nên không đồng ý việc nguyên đơn khởi kiện buộc bà B trả nợ.

Xét thấy: Tại “Giấy vay tiền” đề ngày 14/01/2024 thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị B vay của bà Đào Thị Bạch K số tiền 300.000.000 đồng; nhưng bà B không thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà B trong giấy vay tiền; tuy nhiên tại Kết luận giám định số 714/KL-KTHS ngày 29/9/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh Đ đã kết luận: Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Thị B” và đặc biệt là dòng chữ “*Em bê đứng ra vay giùm cho cháu Võ thị H1 trả ngân Việt T2*” dưới mục ký nhận trên Giấy vay tiền là do cùng một người (bà Nguyễn Thị B) ký và viết ra. Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên. Bà B tự tay viết rõ nội dung “*đứng ra vay giùm*” và ký tên xác nhận được xem là đã xác lập giao dịch dân sự với tư cách là bên

vay. Bị đơn bà B cho rằng Giấy vay tiền đề ngày 14/01/2024 ghi số tài khoản của bà B nhưng bà K lại chuyển tiền cho bà H1 nên bà B từ chối nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên cũng tại Giấy vay tiền có thể hiện nội dung “... *Chuyển khoản tài khoản H1 hoặc chuyển khoản vào số 0231000617378 ngân hàng V Nguyễn Thị B, có giá trị khi tiền vào tài khoản*”. Như vậy, việc nguyên đơn bà K chuyển tiền vào tài khoản bà H1 đã được các bên thỏa thuận, thống nhất tại Giấy vay tiền. Việc bà B vay tiền với mục đích gì không làm thay đổi bản chất việc bà B là người trực tiếp giao dịch và chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 29/9/2025 của bà Võ Thị H1 có trình bày đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bà H1 được trả toàn bộ số nợ trong vụ án này cho bà K và tại đơn kháng cáo cho rằng bà H1 đã nhiều lần chuyển trả tiền cho bà Kim T1 gốc và lãi vượt quá số tiền bà K đã cho bà H1 vay. Tuy nhiên, bà H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho bà K khoản tiền vay gốc và lãi; theo Điều 370 Bộ luật Dân sự quy định về chuyển giao nghĩa vụ “1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý,..” nguyên đơn bà K là bên cho vay không đồng ý nên không có căn cứ để chuyển giao nghĩa vụ trả nợ cho bà H1. Do đó bị đơn bà B phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả cho nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K tổng số tiền 452.966.986 đồng (*trong đó số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và số tiền lãi, tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 152.966.986 đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Thị B kháng cáo không được chấp nhận; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị H1 kháng cáo nhưng vắng mặt, phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 289, Điều 295, Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng

dân sự; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2025/DS-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đắk Lắk.

Áp dụng Điều 147, Điều 148, Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 370, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho bà Đào Thị Bạch K số tiền là 452.966.986 đồng (*B1 trăm năm mươi hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*), Trong đó, số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 152.966.986 đồng.

Bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục trả nợ lãi quá hạn đối với số nợ gốc theo mức lãi bằng 150% lãi suất trong hạn cho đến khi trả xong số nợ gốc nói trên.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu 22.118.679 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đào Thị Bạch K số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003013 ngày 24/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0003449 ngày 28/10/2025 và Biên lai số 0004506 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị B phải chịu 4.000.000 đồng chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Nguyên đơn Đào Thị Bạch K đã nộp đủ tiền tạm ứng chi phí tố tụng 4.000.000 đồng cho cơ quan giám định; Buộc bị đơn Nguyễn Thị B phải hoàn trả cho nguyên đơn Đào Thị Bạch K số tiền 4.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn

phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 4 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 4 - Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Ly